

C.V. Số: 286 ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngày: 08/3/22 Số: 476 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Chuyên: TM2, MQ1

B60

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

**1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)**

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

b) Lô 2-3-6A, khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực thử nghiệm **Điện - Điện tử** (Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

**2. Số đăng ký: 72/TN - TĐC.**

3. Giấy chứng nhận được cấp lần thứ mười ba (13) và có hiệu lực đến ngày 03/10/2022. /kg

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Phó TCTr Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Hoàng Linh**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ, TIÊU CHUẨN THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 476/TĐC-HCHQ ngày 07/3/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

| TT                                                                                                 | Tên sản phẩm/ phép thử                                                              | Tiêu chuẩn thử nghiệm/<br>Phương pháp thử nghiệm                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM ĐIỆN - ĐIỆN TỬ</b> (Phòng thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất năng lượng) |                                                                                     |                                                                                                                                                       |
| <b>A</b>                                                                                           | <b>Nhóm sản phẩm Thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và thiết bị điện tương tự</b> |                                                                                                                                                       |
| 1                                                                                                  | Nhiều dẫn (điện áp nhiều) tại đầu nối điện lưới / tải / bổ sung (9kHz – 30MHz)      | TCVN 7492-1:2018<br>(CISPR 14-1:2016)<br>TCVN 7492-1:2010<br>(CISPR 14-1:2009)<br>EN 55014-1:2017                                                     |
| 2                                                                                                  | Nhiều bức xạ điện từ (9kHz – 30MHz)                                                 |                                                                                                                                                       |
| 3                                                                                                  | Công suất nhiễu (30MHz – 300MHz)                                                    |                                                                                                                                                       |
| 4                                                                                                  | Nhiều bức xạ (30MHz – 1000MHz)                                                      |                                                                                                                                                       |
| 5                                                                                                  | Nhiều không liên tục (150kHz – 30MHz)                                               |                                                                                                                                                       |
| 6                                                                                                  | Miễn nhiễm phóng tĩnh điện                                                          | TCVN 7492-2:2018<br>TCVN 7492-2:2010<br>CISPR 14-2:2015<br>EN 55014-2:2015                                                                            |
| 7                                                                                                  | Miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến                                        |                                                                                                                                                       |
| 8                                                                                                  | Miễn nhiễm bức xạ / quá độ nhanh về điện                                            |                                                                                                                                                       |
| 9                                                                                                  | Miễn nhiễm với sự đột biến (xung)                                                   |                                                                                                                                                       |
| 10                                                                                                 | Miễn nhiễm với nhiễu dẫn tần số vô tuyến                                            |                                                                                                                                                       |
| 11                                                                                                 | Miễn nhiễm với sụt điện áp, mất điện áp                                             | TCVN 13372:2021                                                                                                                                       |
| 12                                                                                                 | Hiệu suất năng lượng bếp từ                                                         |                                                                                                                                                       |
| 13                                                                                                 | Hiệu suất năng lượng bếp hồng ngoại                                                 | TCVN 13373:2021                                                                                                                                       |
| <b>B</b>                                                                                           | <b>Nhóm sản phẩm Thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự</b>                  |                                                                                                                                                       |
| 14                                                                                                 | Nhiều dẫn tại đầu nối điện lưới / tải / bổ sung (9kHz – 30MHz)                      | TCVN 7186:2018<br>(CISPR 15:2018)<br>TCVN 7186:2010<br>(CISPR 15:2009)<br>EN 55015:2013+A1:2015<br>TCVN 12679:2019<br>IEC 61547:2009<br>EN 61547:2009 |
| 15                                                                                                 | Nhiều bức xạ điện từ (9kHz – 30MHz)                                                 |                                                                                                                                                       |
| 16                                                                                                 | Nhiều bức xạ điện từ (30MHz – 1000MHz)                                              |                                                                                                                                                       |
| 17                                                                                                 | Miễn nhiễm phóng tĩnh điện                                                          |                                                                                                                                                       |
| 18                                                                                                 | Miễn nhiễm với trường điện từ tần số radio                                          |                                                                                                                                                       |
| 19                                                                                                 | Miễn nhiễm với trường từ tần số nguồn                                               |                                                                                                                                                       |
| 20                                                                                                 | Miễn nhiễm với quá độ nhanh                                                         |                                                                                                                                                       |
| 21                                                                                                 | Miễn nhiễm với dòng điện chèn (phương thức chung tần số radio)                      |                                                                                                                                                       |



ky



| TT | Tên sản phẩm/ phép thử                                                                        | Tiêu chuẩn thử nghiệm/<br>Phương pháp thử nghiệm                                                                                                                                                                                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22 | Miễn nhiễm với sự đột biến (xung)                                                             | TCVN 7186:2018<br>(CISPR 15:2018)<br>TCVN 7186:2010<br>(CISPR 15:2009)<br>EN 55015:2013+A1:2015<br>TCVN 12679:2019<br>IEC 61547:2009<br>EN 61547:2009                                                                                          |
| 23 | Miễn nhiễm với sụt áp và gián đoạn ngắn                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 24 | Miễn nhiễm với biến động điện áp                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                |
|    |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
| C  | Nhóm sản phẩm Thiết bị tần số Radio dùng trong công nghiệp, nghiên cứu khoa học và y tế (ISM) |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 25 | Nhiều dẫn tại đầu nối điện lưới (9kHz – 30MHz )                                               | TCVN 6988:2018<br>(CISPR 11:2016)<br>TCVN 6988:2006<br>(CISPR 11:2004)                                                                                                                                                                         |
| 26 | Nhiều không liên tục (150kHz – 30MHz)                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 27 | Nhiều bức xạ điện từ (9kHz – 30MHz)                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 28 | Nhiều bức xạ điện từ (30MHz – 18GHz)                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                |
| D  | Nhóm sản phẩm Công tơ điện và thiết bị tương tự                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 29 | Miễn nhiễm phóng tĩnh điện                                                                    | IEC 62052-11:2020<br>IEC 62052-11:2016<br>IEC 62052-11:2003<br>IEC 61000-4-2:2008<br>IEC 61000-4-3:2010<br>IEC 61000-4-4:2012<br>IEC 61000-4-6:2013<br>IEC 61000-4-8:2009<br>IEC 61000-4-11:2020<br>IEC 61000-4-12:2017<br>IEC 61000-4-18:2019 |
| 30 | Miễn nhiễm với trường điện từ bức xạ (80MHz – 2000MHz)                                        |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 31 | Miễn nhiễm bức / quá độ nhanh về điện                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 32 | Miễn nhiễm với nhiễu dẫn tần số vô tuyến (150kHz – 80Mhz)                                     |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 33 | Miễn nhiễm với sự đột biến (xung)                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 34 | Miễn nhiễm với sóng dao động giảm                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 35 | Đo nhiễu vô tuyến (30MHz – 1000MHz)                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
|    |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
|    |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
| Đ  | Nhóm sản phẩm Bộ chỉ thị cột đo xăng dầu và thiết bị tương tự                                 |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 36 | Thay đổi điện áp nguồn                                                                        | IEC 61000-4-11:2004<br>IEC 61000-4-11:2020<br>IEC 61000-4-4:2012<br>IEC 61000-4-2:2008<br>IEC 61000-4-3: 2010<br>IEC 61000-4-3: 2020                                                                                                           |
| 37 | Giảm nguồn trong thời gian ngắn                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 38 | Nổ điện                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 39 | Phóng tĩnh điện                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 40 | Cảm ứng điện từ                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |

ky



| TT       | Tên sản phẩm/ phép thử                                            | Tiêu chuẩn thử nghiệm/<br>Phương pháp thử nghiệm         |
|----------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>E</b> | <b>Nhóm sản phẩm Bộ chỉ cân bằng tải và thiết bị tương tự</b>     |                                                          |
| 41       | Thử nghiệm ảnh hưởng ngắt giảm tức thời biên độ nguồn điện        | IEC 61000-4-11:2004<br>IEC 61000-4-11:2020               |
| 42       | Thử nghiệm ảnh hưởng của xung điện áp cao                         | IEC 61000-4-4:2012                                       |
| 43       | Thử nghiệm ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường                     | IEC 61000-4-3: 2010<br>IEC 61000-4-3: 2020               |
| 44       | Thử nghiệm ảnh hưởng của phóng tĩnh điện                          | IEC 61000-4-2:2008                                       |
| <b>F</b> | <b>Nhóm sản phẩm Camera giám sát hành trình</b>                   |                                                          |
| 45       | Kiểm tra nguồn điện sử dụng                                       | TCVN 13396:2021                                          |
| 46       | Thử nghiệm khả năng chịu nóng                                     |                                                          |
| 47       | Thử nghiệm khả năng chịu ẩm                                       |                                                          |
| 48       | Thử nghiệm khả năng chịu lạnh                                     |                                                          |
| 49       | Thử nghiệm rơi                                                    |                                                          |
| 50       | Thử nghiệm rung                                                   |                                                          |
| 51       | Thử nghiệm va đập                                                 |                                                          |
| <b>G</b> | <b>Nhóm sản phẩm Hệ thống điện không gián đoạn (UPS)</b>          |                                                          |
| 52       | Yêu cầu thiết kế cơ bản                                           | TCVN 9631-1:2013<br>IEC 62040-1:2008<br>IEC 62040-1:2021 |
| 53       | Hệ thống đi dây, đấu nối và cấp điện                              |                                                          |
| 54       | Yêu cầu vật lý                                                    |                                                          |
| 55       | Yêu cầu về điện và điều kiện không bình thường được mô phỏng      |                                                          |
| 56       | Phát xạ dẫn                                                       | TCVN 9631-2:2013<br>IEC 62040-2:2005<br>IEC 62040-2:2016 |
| 57       | Giới hạn của điện áp nhiễu đầu ra xoay chiều                      |                                                          |
| 58       | Phát bức xạ                                                       |                                                          |
| 59       | ESD (Cổng vỏ bọc)                                                 |                                                          |
| 60       | Trường điện từ tần số radio điều biên (Cổng vỏ bọc)               |                                                          |
| 61       | Đột biến quá độ nhanh (Cổng điện xoay chiều đầu vào)              |                                                          |
| 62       | Đột biến (Cổng điện xoay chiều đầu vào)                           |                                                          |
| 63       | Phương thức chung tần số radio dẫn (Cổng điện xoay chiều đầu vào) |                                                          |
| 64       | Miễn nhiễm với trường từ tần số công nghiệp                       |                                                          |



ky

| TT | Tên sản phẩm/ phép thử                                          | Tiêu chuẩn thử nghiệm/<br>Phương pháp thử nghiệm                               |
|----|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 65 | Miễn nhiệm với sụt áp, gián đoạn ngắn và biến thiên điện áp     | TCVN 9631-2:2013<br>IEC 62040-2:2005<br>IEC 62040-2:2016                       |
| 66 | Kiểm tra cáp và đầu nối liên kết                                | TCVN 9631-3:2013<br>IEC 62040-3:2011<br>IEC 62040-3:2021<br>IEC 62040-5-3:2016 |
| 67 | Tải nhẹ và kiểm tra chức năng                                   |                                                                                |
| 68 | Không tải                                                       |                                                                                |
| 69 | Đầy tải                                                         |                                                                                |
| 70 | Mất điện xoay chiều đầu vào                                     |                                                                                |
| 71 | Cấp lại điện xoay chiều đầu vào                                 |                                                                                |
| 72 | Tương thích với nguồn điện đầu vào                              |                                                                                |
| 73 | Đầu ra - Tải tuyến tính                                         |                                                                                |
| 74 | Đầu ra - Phụ tải không tuyến tính                               |                                                                                |
| 75 | Thử nghiệm rơi tự do                                            |                                                                                |
| 76 | Thử nghiệm lưu kho                                              |                                                                                |
| 77 | Thử nghiệm hoạt động                                            |                                                                                |
| 78 | Thử nghiệm khối chức năng của UPS                               |                                                                                |
| H  | Nhóm sản phẩm Hệ thống và thiết bị chuyển đổi điện tử công suất |                                                                                |
| 79 | Kiểm tra ngoại quan                                             | IEC 62477-1:2012 +AMD1:2016                                                    |
| 80 | Thử nghiệm cơ học                                               |                                                                                |
| 81 | Thử nghiệm điện                                                 |                                                                                |
| 82 | Thử nghiệm hoạt động không bình thường và mô phỏng sự cố        |                                                                                |
| 83 | Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ                                      |                                                                                |
| 84 | Thử nóng khô                                                    |                                                                                |
| 85 | Thử nghiệm nóng ẩm không đổi                                    |                                                                                |
| 86 | Thử nghiệm rung hình sin                                        |                                                                                |
| 87 | Thử nghiệm sương muối                                           |                                                                                |